

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **29** /2014/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **18** tháng 6 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chính sách khen thưởng cho tập thể,  
cá nhân của tỉnh Quảng Ngãi đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh,  
Giải thưởng Nhà nước, thành tích cao tại các cuộc thi  
khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế**

|                                      |                              |
|--------------------------------------|------------------------------|
| TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI |                              |
| <b>CV<br/>ĐẾN</b>                    | Số:..... <b>36.111</b> ..... |
|                                      | Ngày: <b>19.6.14</b>         |
|                                      | Chuyên:.....                 |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 158/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên đạt giải trong các kỳ thi học sinh, sinh viên giỏi, Olympic quốc gia, Olympic quốc tế, kỹ năng nghề quốc gia và kỹ năng nghề quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 79/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động Hội giảng giáo viên dạy nghề và Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chính sách khen thưởng cho tập thể, cá nhân của tỉnh Quảng Ngãi đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, thành tích cao tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 50/TTr-SNV ngày 10 tháng 6 năm 2014 về việc ban hành Quyết định Quy định chính sách khen thưởng cho tập thể, cá nhân của tỉnh Quảng Ngãi đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, thành tích cao tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế và thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 80/BC-STP ngày 09 tháng 6 năm 2014 về việc thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định chính sách khen thưởng cho tập thể, cá nhân của tỉnh Quảng Ngãi đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, thành tích cao tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách khen thưởng cho tập thể, cá nhân của tỉnh Quảng Ngãi đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, thành tích cao tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định tại Khoản 1, 2 và 4, Mục I của Phụ lục VIII kèm theo Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, hội thi và mức chi tổ chức một số hoạt động của ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất; Giám

đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Hiệu trưởng Trường Đại học Phạm Văn Đồng; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng y tế Đặng Thùy Trâm; Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP (VX), NC, CBTH;
- Lưu: VT, VHXXH.qn441

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
Q. CHỦ TỊCH**



**Lê Quang Thích**

**QUY ĐỊNH**

**Chính sách khen thưởng cho tập thể,  
cá nhân của tỉnh Quảng Ngãi đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh,  
Giải thưởng Nhà nước, thành tích cao tại các cuộc thi  
khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **29** /2014/QĐ-UBND  
ngày **18** tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về chính sách khen thưởng cho tập thể, cá nhân của tỉnh Quảng Ngãi đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, thành tích cao tại các cuộc thi, giải đấu, đại hội, tranh cúp, liên hoan, triển lãm, hội thi, hội diễn (*gọi chung là cuộc thi*) chính thức khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế trong lĩnh vực văn hoá - thể thao, giáo dục - đào tạo và thiết bị dạy nghề tự làm, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ.

Những nội dung khác về khen thưởng không điều chỉnh trong Quy định này, thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tập thể, cá nhân là những người đang sinh sống, làm việc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, là thành viên chính thức tham gia trong các đội tuyển (đoàn) của tỉnh, Bộ, ngành Trung ương, quốc gia hoặc có công trình, đề tài, sản phẩm cụ thể đóng góp thiết thực cho sự phát triển của tỉnh Quảng Ngãi đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, thành tích cao tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế trong lĩnh vực văn hoá - thể thao, giáo dục - đào tạo và thiết bị dạy nghề tự làm, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ.

2. Người được các cơ quan có thẩm quyền phân công trực tiếp bồi dưỡng, đào tạo cho các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này (kể cả huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển), đạt giải thưởng, thành tích cao tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế trong lĩnh vực văn hoá - thể thao, giáo dục - đào tạo và thiết bị dạy nghề tự làm, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Cuộc thi khu vực quốc gia là cuộc thi được Trung ương tổ chức trên phạm vi khu vực hoặc liên khu vực trong nước.
2. Cuộc thi quốc gia là cuộc thi được tổ chức trên phạm vi toàn quốc.
3. Cuộc thi khu vực quốc tế là cuộc thi được tổ chức trên phạm vi một khu vực Châu lục hoặc liên Châu lục.
4. Cuộc thi quốc tế là cuộc thi được tổ chức trên phạm vi toàn thế giới.

### **Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng**

1. Tập thể, cá nhân được quy định tại Điều 2 Quy định này được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và Quy chế Thi đua, Khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Việc khen thưởng phải thực hiện trên nguyên tắc dân chủ, công khai, đảm bảo tính chính xác, công bằng, kịp thời, đúng với thành tích và đối tượng được khen thưởng.

2. Các tập thể, cá nhân được quy định tại Điều 2 Quy định này đã được Trung ương tặng bằng khen thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ thưởng để khuyến khích, không tặng bằng khen. Trường hợp Trung ương chưa tặng bằng khen thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng bằng khen.

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 5. Tiền thưởng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thưởng cho các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này khi đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, được cử hoặc tham gia các cuộc thi trong phạm vi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế trong lĩnh vực văn hoá - thể thao, giáo dục - đào tạo và thiết bị dạy nghề tự làm, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ đạt thành huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc giải Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích.

2. Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được tính theo hệ số (số lần) mức lương cơ sở do Chính phủ quy định hoặc theo phần trăm của giá trị giải thưởng. Tiền thưởng sau khi nhân hệ số tương ứng với mức lương cơ sở được làm tròn số hàng trăm nghìn tiền Việt Nam đồng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thưởng vào thời điểm nào thì áp dụng mức lương cơ sở tại thời điểm đó để tính mức thưởng.

3. Trong cùng một thời điểm, tại một cuộc thi, mỗi tập thể, cá nhân đạt được nhiều giải thưởng có nội dung thi khác nhau thì được nhận mức thưởng

của giải thưởng cao nhất (trường hợp cuộc thi có nhiều nội dung đạt giải thưởng Huy chương Vàng hoặc Giải Nhất thì được xét thưởng cho tất cả các nội dung đạt Huy chương Vàng hoặc Giải Nhất). Giáo viên, huấn luyện viên đào tạo, bồi dưỡng cho tập thể, cá nhân đạt nhiều giải thưởng thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng của giải cao nhất đạt được.

**Điều 6. Mức thưởng đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng Nhà nước**

**Đơn vị tính: Mức lương cơ sở.**

| TT | Thành tích              | Tập thể | Cá nhân |
|----|-------------------------|---------|---------|
| 1  | Giải thưởng Hồ Chí Minh | 100 lần | 100 lần |
| 2  | Giải thưởng Nhà nước    | 60 lần  | 60 lần  |

**Điều 7. Mức thưởng trong lĩnh vực thể dục, thể thao**

**1. Các giải thi đấu khu vực quốc tế, quốc tế**

**Đơn vị tính: Mức lương cơ sở.**

| TT | Tên cuộc thi                                                                                                           | Thành tích      |                |                 |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------|-----------------|
|    |                                                                                                                        | Huy chương Vàng | Huy chương Bạc | Huy chương Đồng |
| A. | B.                                                                                                                     | 1.              | 2.             | 3.              |
| 1  | Đại hội Olympic                                                                                                        | 60 lần          | 40 lần         | 30 lần          |
| 2  | Đại hội Olympic trẻ                                                                                                    | 30 lần          | 20 lần         | 15 lần          |
| 3  | Giải thể giới hoặc cúp thể giới từng môn của các môn thể thao nhóm I (trong chương trình thi đấu của Olympic)          | 40 lần          | 20 lần         | 15 lần          |
| 4  | Giải thể giới hoặc cúp thể giới từng môn của các môn thể thao nhóm II (các môn thể thao còn lại)                       | 30 lần          | 15 lần         | 12 lần          |
| 5  | Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD)                                                                                        | 30 lần          | 15 lần         | 12 lần          |
| 6  | Đại hội Thể thao trong nhà Châu Á (Indoor Games)                                                                       | 25 lần          | 12 lần         | 10 lần          |
| 7  | Giải châu Á hoặc cúp Châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm I (các môn thể thao trong chương trình thi đấu Olympic) | 30 lần          | 15 lần         | 12 lần          |

| A. | B.                                                                                        | 1.     | 2.     | 3.     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|--------|
| 8  | Giải Châu Á hoặc cúp Châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm II (các môn thi còn lại)   | 25 lần | 12 lần | 10 lần |
| 9  | Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games)                                                   | 22 lần | 12 lần | 10 lần |
| 10 | Giải Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm I (các môn trong chương trình thi đấu của Olympic) | 20 lần | 10 lần | 07 lần |
| 11 | Giải Đông Nam Á từng môn nhóm II (các môn thể thao còn lại)                               | 15 lần | 07 lần | 05 lần |

Vận động viên phá kỷ lục so với thành tích cao nhất trong lịch sử cuộc thi đó thì thưởng thêm bằng 30% mức thưởng tương ứng của vận động viên đạt Huy chương Vàng.

2. Tại các đại hội, các giải thi đấu thể thao trẻ thế giới, Châu Á, Đông Nam Á: Vận động viên đạt thành tích được thưởng bằng 50% mức thưởng quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Các giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên thế giới, Châu Á, Đông Nam Á: Vận động viên đạt thành tích được thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Đối với các môn thể thao tập thể: Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với mức thưởng một vận động viên đạt giải tương ứng.

5. Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (mà thành tích thi đấu của đồng đội và từng cá nhân được xác định trong cùng một lần thi): Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng một vận động viên đạt giải tương ứng.

6. Số lượng vận động viên các môn thể thao tập thể, môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội được xác định theo thực tế nhưng không nhiều hơn so với quy định của điều lệ giải.

7. Mức thưởng đối với huấn luyện viên

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt thành tích tại các nội dung thi đấu cá nhân, tiền thưởng bằng 60% mức thưởng đối với vận động viên. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển hưởng 70%, huấn luyện viên trực tiếp đào

tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển hưởng 30% (chỉ tính cho một huấn luyện viên).

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập được thành tích, tiền thưởng cho huấn luyện viên bằng 50% mức thưởng đối với vận động viên. Số lượng huấn luyện viên của các đội thi đấu được quy định như sau: Đội thuộc môn thi đấu có quy định từ 02 đến 05 vận động viên, mức thưởng chung tính cho 01 (một) huấn luyện viên; đội thuộc môn có quy định từ 06 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho không quá 02 (hai) huấn luyện viên; đội thuộc môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên, mức thưởng chung tính cho không quá 03 (ba) huấn luyện viên.

c) Mức thưởng chung cho huấn luyện viên các môn thi đấu đồng đội bằng số lượng huấn luyện viên quy định tại điểm b, Khoản 7 Điều này nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

8. Vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích tại các giải thể thao dành cho người khuyết tật Đông Nam Á, Châu Á, thế giới được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng của vận động viên, huấn luyện viên quy định tại các Khoản: 1, 4, 5, 6, 7 Điều này.

#### **Điều 8. Mức thưởng trong lĩnh vực văn hoá**

1. Tập thể, cá nhân đạt thành tích trong cuộc thi nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp, hội diễn, liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc:

**Đơn vị tính: Mức lương cơ sở.**

| TT | Thành tích                  | Tập thể | Cá nhân |
|----|-----------------------------|---------|---------|
| 1  | Giải Nhất (Huy chương Vàng) | 10 lần  | 08 lần  |
| 2  | Giải Nhì (Huy chương Bạc)   | 07 lần  | 06 lần  |
| 3  | Giải Ba (Huy chương Đồng)   | 05 lần  | 04 lần  |

2. Tập thể, cá nhân đạt thành tích tại các cuộc thi nghệ thuật biểu diễn không chuyên toàn quốc và các cuộc thi liên hoan nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp khu vực quốc gia.

**Đơn vị tính: Mức lương cơ sở.**

| TT | Thành tích                  | Tập thể | Cá nhân |
|----|-----------------------------|---------|---------|
| 1  | Giải Nhất (Huy chương Vàng) | 06 lần  | 04 lần  |
| 2  | Giải Nhì (Huy chương Bạc)   | 04 lần  | 2,5 lần |
| 3  | Giải Ba (Huy chương Đồng)   | 02 lần  | 1,5 lần |

3. Tập thể, cá nhân đạt thành tích tại các cuộc thi liên hoan nghệ thuật biểu diễn không chuyên khu vực quốc gia

**Đơn vị tính: Mức lương cơ sở.**

| TT | Thành tích                  | Tập thể | Cá nhân |
|----|-----------------------------|---------|---------|
| 1  | Giải Nhất (Huy chương Vàng) | 4,5 lần | 2,0 lần |
| 2  | Giải Nhì (Huy chương Bạc)   | 2,5 lần | 1,5 lần |
| 3  | Giải Ba (Huy chương Đồng)   | 1,5 lần | 0,8 lần |

Các tiết mục song ca, tam ca, đồng ca quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này đạt Giải Nhất (Huy chương Vàng), Giải Nhì (Huy chương Bạc), Giải Ba (Huy chương Đồng) chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp thì mức thưởng bằng mức thưởng của giải cá nhân; tiết mục hợp xướng (được Hội đồng hoặc Ban giám khảo xác định), mức thưởng bằng 1,5 lần mức thưởng của giải tập thể tương ứng.

4. Đối với học sinh, sinh viên và tập thể học sinh, sinh viên đạt thành tích trong các cuộc thi liên hoan nghệ thuật toàn quốc được thưởng mức bằng mức thưởng quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Học sinh, sinh viên và tập thể học sinh, sinh viên đạt thành tích trong các cuộc thi liên hoan nghệ thuật khu vực quốc gia được thưởng bằng 50% mức thưởng quy định tại Khoản 3 Điều này.

#### 6. Mức thưởng trong lĩnh vực văn học - nghệ thuật

Tác giả hoặc nhóm tác giả có tác phẩm đạt giải thưởng, thành tích cao (huy chương vàng, bạc, đồng; giải nhất, nhì, ba, khuyến khích hoặc Giải A, Giải B, Giải C) tại các cuộc thi, liên hoan, triển lãm, sáng tác mỹ thuật, nhiếp ảnh, văn nghệ dân gian, kiến trúc, âm nhạc, múa, sân khấu, điện ảnh, văn học (bao gồm sáng tác và lý luận phê bình) ở cấp quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia, khu vực quốc gia và ở cấp chuyên ngành Trung ương (như của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Hội Mỹ thuật Việt Nam, Hội Nhiếp ảnh Việt Nam...): Được thưởng thêm 100% giá trị giải thưởng.

Đối với nhóm tác giả quy định tại Khoản này, khi đạt thành tích và được thưởng thì tỷ lệ phân chia tiền thưởng do các thành viên trong nhóm quyết định theo công sức đóng góp.

**Điều 9. Mức thưởng về lĩnh vực giáo dục - đào tạo và thiết bị dạy nghề tự làm**

1. Đối với học sinh, sinh viên đang học ở các trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các cơ sở dạy nghề, giáo viên giảng dạy trực tiếp bộ môn có học sinh đạt giải Quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế và giáo viên dạy giỏi toàn quốc đạt giải trong các kỳ thi.

**Đơn vị tính: Mức lương cơ sở.**

| S<br>T<br>T | Thành tích                                                                                                       | Mức thưởng                                                                                                                                                                                                      |                        |                |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------|
|             |                                                                                                                  | Kỳ thi quốc gia                                                                                                                                                                                                 | Kỳ thi khu vực quốc tế | Kỳ thi quốc tế |
| <b>I</b>    | <b>ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN</b>                                                                               |                                                                                                                                                                                                                 |                        |                |
| 1           | Giải Nhất (Huy chương Vàng)                                                                                      | 20 lần                                                                                                                                                                                                          | 35 lần                 | 50 lần         |
| 2           | Giải Nhì (Huy chương Bạc)                                                                                        | 15 lần                                                                                                                                                                                                          | 30 lần                 | 45 lần         |
| 3           | Giải Ba (Huy chương Đồng)                                                                                        | 10 lần                                                                                                                                                                                                          | 25 lần                 | 40 lần         |
| 4           | Giải Khuyến khích                                                                                                | 05 lần                                                                                                                                                                                                          | 07 lần                 | 10 lần         |
| 5           | Đối với học sinh thi vào đại học chính quy đậu thủ khoa (từ 25 điểm trở lên)                                     | 20 lần                                                                                                                                                                                                          |                        |                |
| <b>II</b>   | <b>ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN</b>                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                 |                        |                |
| 1           | Giáo viên giảng dạy trực tiếp bộ môn có học sinh đạt giải kỳ thi quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế của cuộc thi | Được thưởng bằng 60% mức thưởng của một học sinh đạt giải, giáo viên có nhiều học sinh đạt giải thì từ giải thứ hai được tính cộng thêm 30%, từ giải thứ ba trở đi được tính cộng thêm 20% của giải được hưởng. |                        |                |
| 2           | Giáo viên đạt giải Giáo viên dạy giỏi toàn quốc                                                                  |                                                                                                                                                                                                                 |                        |                |
| a)          | Giải Nhất (Huy chương Vàng)                                                                                      | 20 lần                                                                                                                                                                                                          |                        |                |
| b)          | Giải Nhì (Huy chương Bạc)                                                                                        | 15 lần                                                                                                                                                                                                          |                        |                |
| c)          | Giải Ba (Huy chương Đồng)                                                                                        | 10 lần                                                                                                                                                                                                          |                        |                |

2. Mức thưởng trong lĩnh vực hội thi thiết bị dạy nghề tự làm

**Đơn vị tính: Mức lương cơ sở.**

| STT | Thành tích        | Mức thưởng |                 |         |
|-----|-------------------|------------|-----------------|---------|
|     |                   | Quốc gia   | Khu vực quốc tế | Quốc tế |
| 1   | Giải Nhất         | 25 lần     | 30 lần          | 35 lần  |
| 2   | Giải Nhì          | 20 lần     | 25 lần          | 30 lần  |
| 3   | Giải Ba           | 15 lần     | 20 lần          | 25 lần  |
| 4   | Giải Khuyến khích | 10 lần     | 15 lần          | 20 lần  |

**Điều 10. Mức thưởng trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông**

**1. Trong lĩnh vực báo chí**

**Đơn vị tính: Mức lương cơ sở.**

| STT | Thành tích        | Mức thưởng |                 |         |
|-----|-------------------|------------|-----------------|---------|
|     |                   | Quốc gia   | Khu vực quốc tế | Quốc tế |
| 1   | Giải A            | 20 lần     | 25 lần          | 30 lần  |
| 2   | Giải B            | 15 lần     | 20 lần          | 25 lần  |
| 3   | Giải C            | 10 lần     | 15 lần          | 20 lần  |
| 4   | Giải Khuyến khích | 05 lần     | 10 lần          | 15 lần  |

**2. Trong lĩnh vực công nghệ thông tin**

**Đơn vị tính: Mức lương cơ sở.**

| STT       | Thành tích          | Mức thưởng |                 |           |
|-----------|---------------------|------------|-----------------|-----------|
|           |                     | Quốc gia   | Khu vực quốc tế | Quốc tế   |
| <b>A.</b> | <b>B.</b>           | <b>1.</b>  | <b>2.</b>       | <b>3.</b> |
| <b>I</b>  | <b>TIN HỌC TRẺ</b>  |            |                 |           |
|           | a) Phần thi kỹ năng |            |                 |           |
| 1         | Giải Nhất           | 05 lần     | 07 lần          | 10 lần    |
| 2         | Giải Nhì            | 03 lần     | 05 lần          | 07 lần    |
| 3         | Giải Ba             | 02 lần     | 04 lần          | 05 lần    |

| A.        | B.                                                                | 1.      | 2.     | 3.     |
|-----------|-------------------------------------------------------------------|---------|--------|--------|
| 4         | Giải Khuyến khích                                                 | 01 lần  | 02 lần | 04 lần |
|           | b) Thi phần mềm sáng tạo                                          |         |        |        |
| 1         | Giải Nhất                                                         | 05 lần  | 07 lần | 10 lần |
| 2         | Giải Nhì                                                          | 03 lần  | 05 lần | 07 lần |
| 3         | Giải Ba                                                           | 02 lần  | 04 lần | 05 lần |
| 4         | Giải Khuyến khích                                                 | 01 lần  | 02 lần | 04 lần |
| <b>II</b> | <b>TIN HỌC KHÔNG CHUYÊN DÀNH CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b> |         |        |        |
|           | a) Phần thi kỹ năng                                               |         |        |        |
| 1         | Giải Nhất                                                         | 03 lần  | 05 lần | 07 lần |
| 2         | Giải Nhì                                                          | 02 lần  | 03 lần | 05 lần |
| 3         | Giải Ba                                                           | 01 lần  | 02 lần | 03 lần |
| 4         | Giải Khuyến khích                                                 | 0,5 lần | 01 lần | 02 lần |
|           | b) Thi phần mềm sáng tạo                                          |         |        |        |
| 1         | Giải Nhất                                                         | 05 lần  | 07 lần | 10 lần |
| 2         | Giải Nhì                                                          | 03 lần  | 05 lần | 07 lần |
| 3         | Giải Ba                                                           | 02 lần  | 04 lần | 05 lần |
| 4         | Giải Khuyến khích                                                 | 01 lần  | 02 lần | 04 lần |

### 3. Đối với Cuộc thi viết thư UPU

**Đơn vị tính: Mức lương cơ sở.**

| STT | Thành tích | Mức thưởng |         |
|-----|------------|------------|---------|
|     |            | Quốc gia   | Quốc tế |
| A.  | B.         | 1.         | 2.      |
| 1   | Giải Nhất  | 05 lần     | 15 lần  |

| A. | B.                        | 1.     | 2.     |
|----|---------------------------|--------|--------|
| 2  | Giải Nhì                  | 03 lần | 10 lần |
| 3  | Giải Ba                   | 02 lần | 06 lần |
| 4  | Giải Khuyến khích         | 01 lần | 04 lần |
| 5  | Thí sinh Nhỏ tuổi nhất    | 01 lần | 03 lần |
| 6  | Thí sinh Người khuyết tật | 01 lần | 03 lần |

**Điều 11. Mức thưởng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ**

Các giải pháp sáng tạo kỹ thuật phục vụ sản xuất, đời sống, kinh tế, xã hội như: Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông; Cơ khí tự động hoá, xây dựng và giao thông vận tải; vật liệu, hoá chất, năng lượng; Nông lâm ngư nghiệp, tài nguyên, môi trường; y dược; giáo dục, đào tạo.

**Đơn vị tính: Mức lương cơ sở.**

| STT | Thành tích        | Mức thưởng |                 |         |
|-----|-------------------|------------|-----------------|---------|
|     |                   | Quốc gia   | Khu vực quốc tế | Quốc tế |
| 1   | Giải Nhất         | 25 lần     | 30 lần          | 35 lần  |
| 2   | Giải Nhì          | 20 lần     | 25 lần          | 30 lần  |
| 3   | Giải Ba           | 15 lần     | 20 lần          | 25 lần  |
| 4   | Giải Khuyến khích | 10 lần     | 15 lần          | 20 lần  |

**Chương III**  
**TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ**  
**CỦA CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN**

**Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có tập thể, cá nhân đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, được cử, tham gia đạt thành tích cao huy chương vàng, bạc, đồng hoặc giải nhất, nhì, ba và khuyến khích tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế phải có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, giám sát các thành viên tham gia trong đội tuyển để thi đấu đạt kết quả cao nhất. Lập thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng đảm bảo nội dung, tiêu chuẩn theo quy định.

**Điều 13. Quyền lợi, nghĩa vụ của các tập thể, cá nhân**

Tập thể, cá nhân được khen thưởng tại Quy định này đều có quyền lợi và nghĩa vụ để xác định mục tiêu, chỉ tiêu, khi được cử hoặc tham gia các cuộc thi phải chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nội quy, quy định trong các cuộc thi; có ý thức tổ chức kỷ luật trong quá trình học tập, rèn luyện, thi đấu phải giữ gìn sự đoàn kết trong đoàn, có trách nhiệm bảo vệ tài sản; phát huy tốt tinh thần trách nhiệm để đạt giải cao nhất.

#### **Điều 14. Xử lý vi phạm**

Các trường hợp gian dối trong các cuộc thi và kê khai, xác nhận không đúng thành tích để được khen thưởng thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 15. Trình tự thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng**

##### **1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng**

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân được khen thưởng.

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị.

c) Bản sao điều lệ giải; thể lệ cuộc thi hoặc thông báo cuộc thi.

d) Bản sao giấy chứng nhận thành tích hoặc quyết định công nhận của Ban Tổ chức giải (khi trình khen thưởng phải kèm theo Bản Chứng nhận thành tích gốc để cơ quan thẩm định kiểm tra).

##### **2. Trình tự khen thưởng**

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tập thể, cá nhân đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, được cử hoặc tham gia đạt thành tích cao huy chương vàng, bạc, đồng hoặc giải nhất, nhì, ba và khuyến khích tại các cuộc thi thuộc lĩnh vực ngành quản lý có trách nhiệm lập 02 bộ hồ sơ đề nghị khen thưởng, gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (*qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh*).

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc (thời hạn là 10 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận hồ sơ, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị khen thưởng của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thông báo và trả kết quả cho đơn vị trình khen.

## **Điều 16. Kinh phí**

Nguồn kinh phí thực hiện các mức thưởng theo Quy định này cho các tập thể, cá nhân đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, thành tích cao tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế được trích từ nguồn ngân sách nhà nước cân đối trong dự toán chi hàng năm được cấp có thẩm quyền quyết định đối với từng ngành, lĩnh vực.

## **Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng cho các trường hợp đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, được cử hoặc tham gia đạt thành tích cao huy chương vàng, bạc, đồng hoặc giải nhất, nhì, ba và khuyến khích tại các cuộc thi trong lĩnh vực văn hoá - thể thao, giáo dục - đào tạo và thiết bị dạy nghề tự làm, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ.

2. Giao Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, thẩm định hồ sơ; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
Q. CHỦ TỊCH**



**Lê Quang Thích**